

CÔNG TY CỔ PHẦN BƠM KHAI TUYỀN

Trụ sở chính: Số 61C, ngõ 55, đường Hoàng Hoa Thám, P.Ba Đình, Hà Nội

Showroom: D18-14, Khu D, Geleximco, P. Dương Nội, Hà Nội

MST: 0111438800

Số điện thoại: 097.451.0188



Model	Lưu lượng (m³/h)	Cột áp (m)	Hiệu suất (%)	Tốc độ (vòng/phút)	Đường kính ngoài của cánh bơm (mm)	Công suất động cơ	Đường kính cửa xả	Đường kính cửa hút	Khối lượng động cơ (kg)
Tên nhóm: 1									
150SGW180-16-11/4	180	16	82,5	1480	240	11	125	150	121 kg
150SGW200-20-15/4	200	20	84,2	1480	265	15	125	150	142 kg
150SGW240-20-18.5/4	240	20	84	1480	277	18.5	125	150	181 kg
150SGW200-28-22/4	200	28	82	1480	310	22	125	150	209 kg
150SGW200-32-30/4	200	32	82	1480	338	30	125	150	284 kg
150SGW240-32-30/4	240	32	83	1480	341	30	125	150	284 kg
150SGW200-44-37/4	200	44	78,7	1480	385	37	125	150	328 kg
150SGW240-48-45/4	240	48	79,5	1480	405	45	125	150	363 kg
150SGW300-16-18.5/4	300	16	84	1480	266	18.5	125	150	181 kg
150SGW300-20-22/4	300	20	84,5	1480	278	22	125	150	209 kg
150SGW245-24-22/4	245	24	83,3	1480	291	22	125	150	209 kg
150SGW280-28-30/4	280	28	83,8	1480	309	30	125	150	284 kg
150SGW300-32-37/4	300	32	84,5	1480	325	37	125	150	328 kg
150SGW270-36-37/4	270	36	83	1480	340	37	125	150	328 kg
150SGW300-40-45/4	300	40	84	1480	356	45	125	150	363 kg
150SGW300-48-55/4	300	48	85	1480	378	55	125	150	442 kg
Tên nhóm: 2									
200SGW358-16-22/4	358	16	86	1480	258	22	150	200	209 kg
200SGW400-20-30/4	400	20	88	1480	271	30	150	200	284 kg
200SGW340-24-30/4	340	24	86	1480	278	30	150	200	284 kg
200SGW360-28-37/4	360	28	87	1480	315	37	150	200	328 kg
200SGW400-32-45/4	400	32	88	1480	332	45	150	200	363 kg
200SGW440-32-55/4	440	32	88	1480	339	55	150	200	442 kg
200SGW340-36-45/4	340	36	86	1480	351	45	150	200	363 kg
200SGW370-40-55/4	370	40	87,5	1480	374	55	150	200	442 kg
200SGW400-50-75/4	400	50	87	1480	390	75	150	200	569 kg
Tên nhóm: 3									
250SGW490-17-30/4	490	17	84	1480	270	30	150	200	284 kg
250SGW520-20-37/4	520	20	85	1480	292	37	200	250	328 kg
250SGW500-25-45/4	500	25	85,5	1480	308	45	200	250	363 kg
250SGW550-28-55/4	550	28	86	1480	320	55	200	250	442 kg
250SGW550-32-75/4	550	32	87	1480	334	75	200	250	569 kg
250SGW500-41-75/4	500	41	85	1480	371	75	200	250	569 kg
250SGW550-45-90/4	550	45	85	1480	386	90	200	250	639 kg
250SGW500-50-90/4	500	50	85	1480	402	90	200	250	639 kg
250SGW660-18-45/4	660	18	83,7	1480	286	45	200	250	363 kg
250SGW630-20-45/4	630	20	86	1480	288	45	200	250	363 kg
250SGW720-20-55/4	720	20	85,5	1480	300	55	200	250	442 kg
250SGW600-24-55/4	600	24	85,2	1480	311	55	200	250	442 kg
250SGW630-32-75/4	630	32	88	1480	341	75	200	250	569 kg
250SGW700-28-75/4	700	28	86	1480	335	75	200	250	569 kg
250SGW720-34-90/4	720	34	87	1480	346	90	200	250	639 kg
250SGW660-38-90/4	660	38	87	1480	375	90	200	250	639 kg
250SGW700-44-110/4	700	44	89	1480	387	110	200	250	939 kg
250SGW720-50-132/4	720	50	87	1480	404	132	200	250	1033 kg
250SGW650-60-160/4	650	60	84,8	1480	456	160	200	250	1126 kg
250SGW700-70-200/4	700	70	84,5	1480	485	200	200	250	1238 kg
250SGW720-80-250/4	720	80	86	1480	507	250	200	250	1830 kg
Tên nhóm: 4									
300SGW820-18-55/4	820	18	83,2	1480		55	250	300	442 kg
300SGW900-20-75/4	900	20	85,5	1480		75	250	300	569 kg
300SGW900-28-90/4	900	28	85,9	1480		90	250	300	639 kg
300SGW900-32-110/4	900	32	86,3	1480		110	250	300	939 kg
300SGW800-36-110/4	800	36	86	1480	366	110	250	300	939 kg
300SGW900-40-132/4	900	40	86,5	1480	388	132	250	300	1033 kg
300SGW900-50-160/4	900	50	88,5	1480	420	160	250	300	1126 kg
300SGW900-60-200/4	900	60	88,5	1480	437	200	250	300	1238 kg
300SGW1100-18-75/4	1100	18	85	1480		75	300	300	569 kg
300SGW1200-20-90/4	1200	20	87	1480		90	300	300	639 kg
300SGW1100-28-110/4	1100	18	86	1480		110	250	300	939 kg
300SGW1200-32-132/4	1200	32	88	1480		132	250	300	1033 kg
300SGW1200-36-160/4	1200	36	86,5	1480	383	160	250	300	1126 kg
300SGW1100-40-160/4	1100	40	86,9	1480	383	160	250	300	1126 kg
300SGW1200-48-200/4	1200	48	88	1480	415	200	250	300	1238 kg
Tên nhóm: 5									
350SGW1400-18-90/6	1400	18	86,5	980		90	300	350	941 kg

CÔNG TY CỔ PHẦN BƠM KHÀI TUYỀN

Trụ sở chính: Số 61C, ngõ 55, đường Hoàng Hoa Thám, P.Ba Đình, Hà Nội

Showroom: D18-14, Khu D, Geleximco, P. Dương Nội, Hà Nội

MST: 0111438800

Số điện thoại: 097.451.0188



Model	Lưu lượng (m³/h)	Cột áp (m)	Hiệu suất (%)	Tốc độ (vòng/phút)	Đường kính ngoài của cánh bơm (mm)	Công suất động cơ	Đường kính cửa xả	Đường kính cửa hút	Khối lượng động cơ (kg)
350SGW1500-21-110/6	1500	21	88	980		110	300	350	1017 kg
350SGW1400-26-132/4	1400	26	85	1480		132	300	350	1033 kg
350SGW1500-30-160/4	1500	30	87,5	1480		160	300	350	1126 kg
350SGW1500-38-200/4	1500	38	89	1480		200	300	350	1238 kg
350SGW1500-45-250/4	1500	45	89	1480		200	300	350	1830 kg

Ghi chú: Giá liên hệ số 097.451.0188

Thân: Gang HT/Gang QT

Trục: Trục kéo dài Kaiquan, vật liệu theo model

Cánh bơm: SS420 (2Cr13)

Phốt: Phốt cơ khí/Phốt cơ khí cao áp

Nhiệt độ chất lỏng: ≤80 độ C